TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 17

Thời gian làm bài: 30 phút

I. ĐỌC – HIỂU

Bé tập bơi

Vào kì nghỉ hè, bố đưa Nam đi tập bơi. Bể bơi rất rộng và có làn nước trong mát. Bố dạy Nam tập thở và đập chân. Nam chăm chỉ làm theo lời bố. Bé rất vui vì đã tự bơi được.

Đọc bài «Bé tập bơi» và khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Bài đọc trên có mấy câu?

A. 5 câu **B.** 4 câu **C.** 6 câu

Câu 2. Bố đưa Nam đi đâu vào kì nghỉ hè?

A. Đi tập bơi **B.** Đi đá bóng **C.** Đi thả diều

Câu 3. Bố dạy Nam những động tác nào?

A. Tập thở và đập chân **B.** Chạy nhanh và nhảy xa

C. Tập múa và hát ca

Câu 4. Tìm và viết tiếng trong bài «Bé tập bơi» có vần ông:

Tiếng có vần ông: …….

II. BÀI TẬP

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để thành câu. Cách nối nào đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Mặt trời – tỏa ánh nắng chói chang	
b) Bé Mai – uốn lượn quanh làng xóm	
c) Bác gà trống – gáy vang gọi ngày mới	
d) Dòng sông – vẽ bức tranh bông hoa	

Bài 2. Điền g hay gh vào chỗ chấm:

a) …..à con

b) …..ế da

c) …..i nhớ

d) …..ạo nếp

Bài 3. Điền vần ong hay oc vào chỗ chấm (nhớ thêm dấu thanh):

a) con ……

b) con s.….

c) đường c.….

d) bài h.….

Bài 4. Mỗi từ dưới đây có một tiếng viết sai chính tả. Em hãy viết lại từ cho đúng:

a) ghà tre → ……

b) cẹo mút → ……

c) ká nhỏ → ……

Bài 5. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại: kính bơi / đeo / màu xanh. / Bé

a) Viết lại câu: ……

Bài 6. Chọn từ trong ngoặc (trong xanh, phao bơi, bơi lội) điền vào chỗ chấm:

a) Đàn cá nhỏ tung tăng …… dưới mặt nước.

b) Bố mua cho bé chiếc …… hình chú vịt.

c) Làn nước hồ bơi rất …… và sạch sẽ.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Tiếng Việt lớp 1 · Phiếu số 17

I. Đọc – hiểu

Câu	1	2	3
Đáp án	A	A	A

Câu 4.
Trong bài chỉ có tiếng «rộng» mang vần ông.

II. Bài tập

Bài 1.
a) Đ; b) S; c) Đ; d) S

Bài 2.
a) gà con; b) ghế da; c) ghi nhớ; d) gạo nếp.
Nhớ: viết gh trước e, ê, i; viết g trước các chữ còn lại.

Bài 3.
a) con ong; b) con sóc; c) đường cong; d) bài học.

Bài 4.
a) «ghà» sai, sửa thành «gà»: gà tre; b) «cẹo» sai, sửa thành «kẹo»: kẹo mút; c) «ká» sai, sửa thành «cá»: cá nhỏ.

Bài 5.
Câu đúng: Bé đeo kính bơi màu xanh.

Bài 6.
a) Đàn cá nhỏ tung tăng bơi lội dưới mặt nước. b) Bố mua cho bé chiếc phao bơi hình chú vịt. c) Làn nước hồ bơi rất trong xanh và sạch sẽ.